

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2020/DS-ST
Ngày: 10/9/2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng dân
sự, hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Bé

Ông Nguyễn Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 390/2020/QĐ-ST ngày 30/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 381/2020/QĐ-ST ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T (Út Lò), sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Phú Hạ 2, xã K. T, huyện C. M, tỉnh An Giang, (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp Phú Hạ 1, xã K.T, huyện C. M, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà có tham gia chơi hội do bà Lê Thị L làm chủ, cụ thể:

- Dây hội thứ nhất 2.000.000 đồng/tháng, hội khai ngày 06/10/2018 (al), gồm 24 hội viên, tham gia 01 chân hội, đóng được 15 lần là 30.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai 1.000.000 đồng/tháng, hội khai ngày 26/3/2018 (al), gồm 22 hội viên, tham gia 01 chân hội, đóng được 21 lần là 21.000.000 đồng.

- Dây hội thứ ba 1.000.000 đồng/tháng, hội khai ngày 15/3/2019 (al), gồm 21 hội viên, tham gia 02 chân hội, đóng được 10 lần là 20.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tư 1.000.000 đồng/tháng, hội khai ngày 15/3/2019 (al), gồm 21 hội viên, tham gia 02 chân hội, đóng được 10 lần là 20.000.000 đồng.

Như vậy, 04 dây hụi trên bà đã đóng tổng cộng cho bà L là 91.000.000 đồng. Nay, bà T yêu cầu bà L trả cho bà số tiền là 91.000.000 đồng (*chín mươi một triệu*). Tại phiên tòa, bà T rút lại yêu cầu tính lãi suất.

* Bị đơn bà Lê Thị L không nộp các tài liệu, chứng cứ gì khác; và vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: tờ tự khai của nguyên đơn và 04 danh sách hụi viên (bản photo), thể hiện chi tiết đầy đủ những người tham gia chơi hụi.

Khi Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành mở các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bà Lê Thị L đều vắng mặt. Quá trình xác minh tại Công an xã K. T, huyện C. M, tỉnh An Giang thì bà Lê Thị L (tên thường gọi là vợ Ba L1) kể từ thời điểm sau tết nguyên đán đến nay đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nhưng hộ khẩu thường trú vẫn còn tại địa phương. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật và ghi nhận sự vắng mặt của bà Lê Thị L tại các phiên hòa giải. Vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: không có.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp thêm chứng cứ nào khác tại phiên tòa; lời trình bày của bà T phù hợp về số tiền hụi của 04 dây hụi mà bà tham gia đóng cho bà Lê Thị L; yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả số T hụi mà bà đã tham gia đóng hụi cho bà L là 91.000.000 đồng, đồng thời rút lại một phần yêu cầu, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đối với bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ nguyên đơn khởi kiện là các sổ hụi ngày 06/10/2018 (al), 26/3/2018 (al), 15/3/2019 (al), 15/3/2019 (al), thể hiện tên các hụi viên và số T giao dịch. Ông Phan Văn S cùng tham gia hụi do bà L làm chủ cũng xác định, bà T có tham gia hụi do bà L làm chủ. Do đó, việc bà L làm chủ hụi và ngưng mở hụi ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 91.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Về lãi suất, tại phiên tòa, bà T rút lại yêu cầu tính lãi suất, nên cần đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này theo quy định tại Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Căn cứ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự, các Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền hụi 91.000.000 đồng.

Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu tính lãi suất của bà Huỳnh Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Huỳnh Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị L trả nợ hụi, do bà Lê Thị L có nơi cư trú tại: ấp Phú Hạ 1, xã K. T, huyện C. M, tỉnh An Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: trước khi phiên tòa được mở, bị đơn Lê Thị L vắng mặt tuy đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết theo đúng quy định pháp luật đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[3] Về nội dung vụ án: Xem xét, yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T khi tham gia chơi 04 dây hụi trên do bà L (vợ 3 L) làm chủ hụi thì bà tham gia với tên là “Út Lò” trong danh sách hụi viên, cụ thể: Dây hụi thứ nhất 2.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 06/10/2018 (al), gồm 24 hụi viên, tham gia 01 chân hụi, đóng được 15 lần là 30.000.000 đồng; Dây hụi thứ hai 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 26/3/2018 (al), gồm 22 hụi viên, tham gia 01 chân hụi, đóng được 21 lần là 21.000.000 đồng; Dây hụi thứ ba 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/3/2019 (al), gồm 21 hụi viên, tham gia 02 chân hụi, đóng được 10 lần là 20.000.000 đồng. Dây hụi thứ tư 1.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 15/3/2019 (al), gồm 21 hụi viên, tham gia 02 chân hụi, đóng được 10 lần là 20.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập các chứng cứ thể hiện như sau:

Tại biên bản xác minh ngày 01/9/2020 tại Ban nhân dân ấp Phú Hạ 1 xác nhận: “khi xác bên tham gia chơi hụi do bà Lê Thị L làm chủ hụi thì địa phương không rõ, tuy nhiên khi bà Lê Thị L (vợ 3 L1) bỏ địa phương đi kể từ sau tết nguyên đán (khoảng giữa tháng 2/2020) thì có nhiều hụi viên cho biết bà L làm chủ hụi, hụi chưa mãn nhưng bà L tự ý ngưng hụi, giật hụi và bỏ địa phương đi”.

Tại Biên bản xác minh cùng ngày tại Công an xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới cung cấp: “sau khi bà Lê Thị L (tên thường gọi là vợ 3 L1), có địa chỉ thường trú trong xã bỏ địa phương đi thì có nhiều hụi viên đến trình báo bà L làm chủ hụi bị bẻ hụi, hụi chưa mãn nhưng bà L tự ý ngưng hụi nên phía Công an xã có hướng dẫn những người tham gia chơi hụi với bà L khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án. Ngoài ra, bà L bỏ địa phương từ tết nguyên đán đến nay nhưng hộ khẩu vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương”.

Quá trình xác minh, lấy lời khai của những người cùng tham gia chơi hội chung 04 dây hội với bà Huỳnh Thị T (Út Lò) trong 04 danh sách hội viên, xác định:

Bà Đỗ Thị Đ khai: tại dây hội 2.000.000 đồng do bà Lê Thị L làm chủ hội, hội mở ngày 06/10/2018 AL bà có tham gia 02 chân trong danh sách hội viên với tên là “3 Đ” ở vị trí thứ 5 và 7. Trong dây hội này còn có bà Mai Thị Thanh (bà lấy tên chồng là Tuấn) để tham gia vì bà là người trực tiếp giao hội, trong danh sách hội viên thì “Tuấn” ở vị trí thứ 20. Bà Đ, bà Th. đều xác định trong dây hội này các bà chơi chung với bà T (Út Lò) tham gia ở vị trí số 22.

Đối với 02 dây hội 1.000.000 đồng do bà L làm chủ hội, mở cùng ngày 15/3/2019 AL có 21 hội viên tham gia, bà Trần Thị Ngọc B (bà lấy tên chồng là B) để tham gia vì bà là người trực tiếp giao hội, trong danh sách hội viên thì “B” ở vị trí thứ 14 trong danh sách còn bà Út Lò tham gia ở vị trí số 6 và 7; phù hợp lời khai của bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1976 (vợ 6 L2) khai: bà có tham gia dây hội này với 02 chân hội do Lê Thị L (vợ 3 L1) làm chủ hội, trong danh sách có 23 hội viên tham gia bà tham gia ở vị trí thứ 3 và 7 với tên “6 L2” vì tham gia chơi hội với bà L thì bà L ghi tên chồng của bà nhưng bà là người trực tiếp tham gia chơi và giao nhận T hội với bà L. Trong dây hội này bà xác định có chơi chung với bà Huỳnh Thị T (Út Lò), trong 02 danh sách hội viên trên bà tham gia ở vị trí lần lượt là thứ 11 và 18.

Đối với dây hội 1.000.000 đồng, mở ngày 26/6/2018AL, ông Phan Văn S khai: ông tham gia chơi dây hội trên do bà L làm chủ, ở dây hội này ông tham gia với tên là “3 S” ở vị trí 18, ông tham gia cùng bà “Út Lò” ở vị trí 19 trong danh sách hội viên.

Như vậy, lời khai của bà Huỳnh Thị T phù hợp với danh sách hội viên, thông tin do Ban ấp Phú Hạ 1, Công an xã K. T cung cấp; phù hợp với lời khai của bà Lê Thị M. D cũng là những người trực tiếp tham gia vào các dây hội nói trên do bà Lê Thị L trực tiếp làm chủ hội có bà T tham gia chơi. Hội chưa mãn, nhưng bà L những hội và bỏ địa phương đi cho đến nay.

Do đó, có đủ căn cứ xác định giữa bà Huỳnh Thị T và bà Lê Thị L có xác lập hợp đồng dân sự, hội trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện, hội có lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi cụ thể. Đây là hợp đồng hội có lãi, việc xác lập hợp đồng hội giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên, bà Lê Thị L là chủ hội đã thu các phần hội của các hội viên, trong đó thu tiền hội từ 04 dây hội do bà T (Út lò) là hội viên đóng, hội chưa mãn, bà T vẫn chưa hốt hội, bà L tự ý ngưng hội và bỏ đại phương là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị L trả lại số tiền hội đã nợ phần vốn gốc là 91.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị T rút lại một phần khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được hoàn lại 2.275.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008466 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Bị đơn bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bà T yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 217, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị T (Út Lò).

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị T (Út Lò) số tiền nợ hui là 91.000.000 đồng (Chín mươi một triệu).

2. Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu tính lãi suất của bà Huỳnh Thị T (Út Lò).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.550.000 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn).

Bà Huỳnh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.275.000 đồng theo biên lai thu số 0008466 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Huỳnh Thị T được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt, bà Lê Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong